TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **34**/2019/DS-ST
Ngày: 05/8/2019
V/v tranh chấp: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Minh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Chín

2. Bà Nguyễn Thị Bình

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Lĩnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 8 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2019/TLST-DS, ngày 16 tháng 5 năm 2019,về việc tranh chấp: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2019/QĐXXST-DS ngày 04/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2019/QĐST-DS ngày 23/7/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị T1, sinh năm 1964.

Nơi cư trú: Số nhà A đường số B, thôn N, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

2. *Bị đơn:* Bà Bùi Thị L, sinh năm 1986.

Nơi cư trú: Số nhà C đường số B, thôn N, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Bùi Văn P, sinh năm 1965.

Nơi cư trú: Số nhà A đường số B, thôn N, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

+ Ông Nguyễn Duy K (tên gọi khác: Nguyễn Văn T2), sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Số nhà C đường số B, thôn N, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, có mặt bà Lê Thị T1, ông Bùi Văn P; vắng mặt bà Bùi Thị L, ông Nguyễn Duy K lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/5/2019, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn Lê Thị T1 trình bày:

Từ mối quan hệ quen biết, vào ngày 12/12/2012 âm lịch (nhằm ngày 23/01/2013 dương lịch) bà T1 có cho vợ chồng bà Bùi Thị L và ông Nguyễn Duy K (tên gọi khác là Nguyễn Văn T2) mượn 05 chỉ vàng 24K, tiếp đến ngày 23/01/2017 âm lịch (nhằm ngày 19/02/2017 dương lịch) cho vợ chồng bà L vay số tiền 15.000.000đồng (Mười lăm triệu đồng), đến ngày 20/12/2017 âm lịch (nhằm ngày 20/12/2017 dương lịch) cho vay thêm số tiền 5.000.000đồng (Năm triệu đồng). Các lần vay mượn hai bên đều không thỏa thuận thời hạn, khi nào cần thì bà T1 báo trước cho vợ chồng bà L trước 01 tháng để thu xếp trả nợ. Tuy nhiên từ tháng 3/2018 cho đến nay, dù nhiều lần bà T1 yêu cầu trả nợ nhưng vợ chồng bà L cứ dây dưa không trả. Tại phiên tòa, bà T1 chỉ yêu cầu vợ chồng bà L trả 05 chỉ vàng 24K và số tiền nợ là 10.000.000đồng (Mười triệu đồng), đồng thời yêu cầu tính lãi phát sinh kể từ ngày chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án đối với khoản nợ 10.000.000đồng, rút yêu cầu khởi kiện đối với việc tính lãi vàng và tiền nợ theo trình bày tại đơn khởi kiện.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Văn P trình bày:

Ông thống nhất với ý kiến trình bày của bà Lê Thị T1, chỉ yêu cầu bà L và ông K trả 05 chỉ vàng 24K và số tiền nợ 10.000.000đồng (Mười triệu đồng) cùng tiền lãi phát sinh kể từ ngày chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án.

Tòa án đã tiến hành mờ phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn Bùi Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Duy K không đến tham gia.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/6/2019, bà Bùi Thị L trình bày:

Bà thừa nhận có vay mượn vàng và tiền của bà Lê Thị T1, nay còn nợ lại 05 chỉ vàng 24K và số tiền 10.000.000đồng. Vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên chưa thể trả nợ cho bà T1 và ông P, hẹn đến cuối năm 2019 sẽ trả đủ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Thẩm phán đã thụ lý hồ sơ vụ án đúng thẩm quyền, gửi thông báo cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh và các đương sự đúng thời hạn luật định, xác định đúng quan hệ pháp luật đang tranh chấp, thời hạn chuẩn bị xét xử phù hợp quy định. Đối với Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vụ án theo đúng trình tự, thủ tục mà pháp luật tố tụng dân sự đã quy định. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Văn P thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn Bùi Thị L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Duy K không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của cả nguyên đơn, bị đơn, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Bùi Thị L và ông Nguyễn Duy K trả 05 chỉ vàng 24K và 10.000.000đồng cùng tiền lãi được tính trên số tiền chậm trả thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng Tòa án nhận định như sau:

[1] *Về việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp:* Căn cứ vào nội dung, yêu cầu tại đơn khởi kiện đề ngày 13/5/2019 , Tòa án xác định đây là vụ án: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[2] *Về thẩm quyền:* Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại Khoản 1, Điều 35 và Khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa*: Bà Bùi Thị L là bị đơn, ông Nguyễn Duy K là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L và ông K, là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] *Nhận định về việc giải quyết vụ án:*

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và các giấy vay mượn tài sản có chữ ký xác nhận của bà Bùi Thị L, Tòa án xác định được vợ chồng bà Bùi Thị L và ông Nguyễn Duy K có vay mượn của bà Lê Thị T1 05 chỉ vàng 24K, cùng số tiền vay 15.000.000đồng và 5.000.000đồng, quan hệ giao dịch dân sự này được các bên thừa nhận nên được pháp luật bảo vệ. Đến nay bà L thừa nhận vợ chồng bà còn nợ lại 05

chỉ vàng 24K, cùng số tiền vay là 10.000.000đồng, lời khai này phù hợp với lời trình bày của bà T1, ông P, tính đến nay vợ chồng bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ Điều 463 và khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự, cần buộc bà Bùi Thị L và ông Nguyễn Duy K phải trả cho bà Lê Thị T1 và ông Bùi Văn P 05 chỉ vàng 24K và 10.000.000đồng.

Đối với yêu cầu tính lãi kể từ ngày chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án đối với khoản nợ 10.000.000đồng, Tòa án thấy rằng đây là yêu cầu phù hợp với quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận.

[5] *Về án phí:* Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Duy K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Căn cứ vào giá vàng ngày 05/8/2019 là 4.055.000đồng/01 chỉ vàng 24K (Bốn triệu không trăm năm mươi lăm nghìn đồng), Tòa án làm cơ sở để tính án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 357; Điều 463; khoản 1 Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội:

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi đối với khoản nợ 05 chỉ vàng 24K và 10.000.000đồng.

2. Buộc bà Bùi Thị L và ông Nguyễn Duy K (tên gọi khác: Nguyễn Văn T2) phải trả cho bà Lê Thị T1 và ông Bùi Văn P: 05 (Năm) chỉ vàng 24K và số tiền 10.000.000đồng (Mười triệu đồng).

Đối với khoản nợ 10.000.000đồng, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Lê Thị T1 và ông Bùi Văn P, bà Bùi Thị L và ông Nguyễn Duy K còn phải chịu khoản

tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Buộc bà Bùi Thị L và ông Nguyễn Duy K phải chịu 1.514.000đồng (Một triệu năm trăm mười bốn nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Lê Thì T1 số tiền 813.000đồng (Tám trăm mười ba nghìn đồng) là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0025330 ngày 16/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Văn P có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án (05/8/2019); bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Duy K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./-

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKSND huyện;
-CCTHADS huyện;
-Đương sự;
-Lưu./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Minh Tuấn